

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/DS-ST
Ngày: 13 - 11 - 2018
V/v tranh chấp liên quan đến tài sản
bị cưỡng chế để thi hành án theo
quy định của pháp luật về
thi hành án dân sự.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Tâm;
2. Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 10 và ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2017 và thụ lý bổ sung số: 128A/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2017, về việc “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** 1. Phạm Thị Bích Ph, sinh năm: 1960 (Có mặt);
2. Phạm Văn C, sinh năm: 1964.

(Anh Phạm Văn C ủy quyền cho chị Phạm Thị Bích Ph – Theo văn bản ủy quyền ngày 07/6/2017).

- Bị đơn:** 1. Phạm Văn S, sinh năm: 1966 (Có mặt);
2. Đặng Thị Tuyết M, sinh năm: 1984 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: khóm A, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Thái Văn V, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Thái Văn V ủy quyền cho chị Huỳnh Thị Phương H, sinh năm: 1976 - Theo văn bản ủy quyền ngày 21/11/2017 (Có mặt).

Địa chỉ: khóm A, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

2. Phạm Văn H, sinh năm: 1957 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: khóm T, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

3. Phạm Thị Thu Ng, sinh năm: 1955 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: khóm A, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, văn bản ghi ý kiến, tường trình, biên bản lấy lời khai, biên bản mở phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phạm Thị Bích Ph; đồng thời, chị Ph là đại diện theo ủy quyền cho anh Phạm Văn C trình bày:* Cha mẹ chị là ông Phạm Văn Ngh (Liệt sĩ), ông Ngh hy sinh vào năm 1970 và bà Nguyễn Thị N (Thương binh), bà N mất ngày 12/02/2008; ông Ngh và bà N sinh được 05 người con gồm: Phạm Thị Thu Ng, Phạm Văn H, Phạm Thị Bích Ph, Phạm Văn C, Phạm Văn S. Khi qua đời bà Nguyễn Thị N có để lại căn nhà số 126, loại nhà cấp 4, khung gỗ thao lao, mái ngói, nền sàn ván gỗ, nóng tán, diện tích 138,75m² - tại khóm A, thị trấn Th, huyện Th; nhưng bà N không có để lại di chúc hay giấy tờ để phân chia căn nhà số 126 cho các con. Lúc bà N còn sống thì có người con tên Phạm Văn S sống chung với bà N; năm 2005, bà N và các con trong gia đình không biết anh S làm thủ tục để đứng tên “Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà” đối với căn nhà số 126, do UBND huyện Th cấp theo sơ đồ gốc số 00102, ngày 15/11/2005. Hiện nay căn nhà số 126 nêu trên Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình đang kê biên, cưỡng chế để đảm bảo thi hành án dân sự đối với số tiền vợ chồng anh S, chị M thiếu anh Thái Văn V. Do đó, anh chị không thống nhất việc kê biên, cưỡng chế căn nhà số 126 nêu trên.

Chị Ph và anh C khởi kiện yêu cầu anh S, chị M liên đới chia tài sản chung cho anh chị, đối với căn nhà số 126 theo quy định của pháp luật; cụ thể chia cho anh chị mỗi người được thừa hưởng 1/5 giá trị căn nhà, theo giá đã định hiện nay là 78.321.600đ (Bảy mươi tám triệu ba trăm hai mươi một nghìn sáu trăm đồng); Vậy anh chị mỗi người được hưởng: $78.321.600đ : 5 = 15.664.320đ$ (Mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi đồng) là giá trị 1/5 của căn nhà số 126 nêu trên.

Ngày 05/11/2018, chị Ph nộp tờ tường trình đề ngày 02/11/2018 xin thay đổi yêu cầu khởi kiện; chị yêu cầu được nhận căn nhà số 126 nêu trên, chị đồng ý trả lại cho anh C và anh S mỗi người số tiền tương ứng 1/5 giá trị căn nhà là 15.664.320đ (Mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi đồng); đồng thời, chị yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở do anh Phạm Văn S đứng tên đối với căn nhà số 126 nêu trên.

- *Tại phiên bản khai, đơn yêu cầu, văn bản ghi ý kiến, biên bản mở phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Phạm Văn S, chị Đặng Thị Tuyết M trình bày:* Anh chị thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của chị Ph, anh C; anh chị chấp nhận chia cho chị Ph, anh C mỗi người được thừa hưởng 1/5 giá trị căn nhà số 126 nêu trên là 15.664.320đ (Mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi

bốn nghìn ba trăm hai mươi đồng). Vì nguồn gốc căn nhà số 126 nêu trên, là tài sản chung của gia đình do bà Nguyễn Thị N để lại chưa có phân chia.

Anh, chị không thống nhất yêu cầu khởi kiện của anh Thái Văn V; vì căn nhà số 126 nêu trên không phải là tài sản thuộc quyền sở hữu cá nhân của anh chị.

- *Tại bản khai, biên bản lấy lời khai, biên bản mở phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thái Văn V, ủy quyền cho chị Huỳnh Thị Phương H trình bày:* Anh Việt không thống nhất yêu cầu khởi kiện của chị Ph, anh C; yêu cầu giữ nguyên giá trị căn nhà số 126 cho anh S, chị M để đảm bảo việc thi hành án dân sự theo quyết định kê biên, cưỡng chế của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, đối với số tiền do anh S, chị M đang thiếu anh Việt. Vì căn nhà nêu trên là thuộc quyền sở hữu của vợ chồng anh S, chị M, không phải là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà N.

- *Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H trình bày:* Ông thống nhất nguồn gốc căn nhà số 126 nêu trên, là của bà Nguyễn Thị N để lại. Việc Phạm Văn S làm giấy chứng nhận quyền sở hữu căn nhà ở số 126 nêu trên, thì bà N và các con trong gia đình biết, vì nghĩ anh S là con út trong gia đình thì sẽ được thừa hưởng căn nhà số 126, nên anh chị em không có ai tranh chấp. Còn việc anh S làm thủ tục để được cấp giấy quyền sở hữu nhà ở thế nào là do anh S tự thực hiện, ông không biết; hiện nay ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung đối với căn nhà số 126 nêu trên.

- *Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thu Ng trình bày:* Bà thống nhất với trình bày của chị Ph về nguồn gốc căn nhà số 126 nêu trên và việc ông Ngh, bà N có 05 người con. Khi bà N còn sống thì anh S là con út sống chung với bà N, nên bà N và các con trong gia đình để cho anh S tạm thời đứng tên quyền sở hữu nhà ở; nay bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung đối với căn nhà số 126 nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nội dung tranh chấp giữa chị Ph, anh C với anh S, chị M làm phát sinh “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự” được quy định tại Điều 74 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định pháp luật, về thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Thu Ng; nhưng xét ông H, bà Ng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và đã có lời khai trình bày ý kiến; do đó, Tòa án

tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H, bà Ng là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ, lời khai nhận của các đương sự có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay của các đương sự, có đủ cơ sở xác định:

Việc chị Ph, anh C khởi kiện yêu cầu anh S, chị M có nghĩa vụ liên đới chia tài sản chung cho anh chị, đối với căn nhà số 126 theo quy định của pháp luật; cụ thể chia cho chị Ph, anh C mỗi người được thừa hưởng 1/5 giá trị căn nhà, theo giá đã định hiện nay là 78.321.600đ (Bảy mươi tám triệu ba trăm hai mươi một nghìn sáu trăm đồng); tương ứng chị Ph và anh C mỗi người được hưởng: $78.321.600đ : 5 = 15.664.320đ$ (Mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Bởi vì, theo Giấy xác nhận số 203/XV-LĐTĐBXH ngày 20/7/2016 của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện Th có nội dung: *“Liệt sĩ Phạm Văn Ngh, hy sinh ngày 24 tháng 4 năm 1970. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện đã xét cấp cho bà (Nguyễn Thị N) một căn nhà tình nghĩa tại thời điểm năm 1988 giá trị căn nhà 2,5 triệu đồng và đến năm 2003 hỗ trợ cho bà 3 triệu đồng để sửa chữa lại căn nhà là đúng sự thật”*. Đồng thời, khi còn sống bà N là người đứng ra xây cất, sửa chữa căn nhà số 126 nêu trên; còn anh Phạm Văn S là con út trong gia đình, nên sống phụ thuộc vào phần ruộng đất của bà. Như vậy, có căn cứ xác định căn nhà số 126 có nguồn gốc là của bà N, do bà được Nhà nước xét cấp và bà tạo lập mà có.

Việc anh S được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở vào năm 2005 là căn cứ quy trình, thủ tục được quy định tại Nghị định 95/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 7 Nghị định 95/2005/NĐ-CP quy định cá nhân được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở phải có điều kiện sau đây: *“Có nhà ở, công trình xây dựng được tạo lập hợp pháp tại Việt Nam thông qua đầu tư xây dựng, mua bán, nhận tặng cho, nhận thừa kế, đổi hoặc thông qua hình thức tạo lập khác theo quy định của pháp luật”*. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở của anh S do Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Th cung cấp thì không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bà N và các con trong gia đình đã ủy quyền hay làm giấy tặng cho quyền sở hữu căn nhà số 126 cho anh S. Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 126 cho anh S là không đúng theo khoản 2 Điều 7 Nghị định 95/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Chính Phủ; nên bà Nguyễn Thị N vẫn là chủ sở hữu hợp pháp đối với căn nhà số 126 nêu trên là phù hợp theo quy định pháp luật.

Do bà Nguyễn Thị N chết không có để lại di chúc hay giấy tờ gì, để phân chia căn nhà số 126 nêu trên; đồng thời, hiện nay các con của bà N thống nhất căn nhà số 126 nêu trên là tài sản chung của bà N để lại; nên theo quy định chị Ph, anh C mỗi người được quyền thừa hưởng 1/5 giá trị căn nhà số 126 là phù hợp. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, các con của bà Nguyễn Thị N không có yêu cầu giải quyết về quyền thừa kế đối với căn nhà số 126 nêu trên; do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp theo quy định pháp luật.

Từ phân tích và nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ph và anh C, về việc yêu cầu anh S, chị M chia cho chị Ph, anh C mỗi người được hưởng 1/5 giá trị căn nhà số 126, tương ứng mỗi người được hưởng số tiền 15.664.320đ (Mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi đồng). Đồng thời, có đủ cơ sở không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thái Văn V, về việc yêu cầu giữ nguyên giá trị căn nhà số 126 cho anh S, chị M để đảm bảo việc thi hành án dân sự theo quyết định kê biên, cưỡng chế của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật.

Đối với việc chị Phạm Thị Bích Ph thay đổi yêu cầu khởi kiện với nội dung: chị Ph yêu cầu được nhận hiện vật là căn nhà số 126 nêu trên sử dụng; để trả lại cho anh C và anh S mỗi người tương ứng 1/5 giá trị căn nhà là 15.664.320đ (Mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi đồng) và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở do anh Phạm Văn S đứng tên đối với căn nhà số 126 là không có cơ sở. Vì, trong quá trình Tòa án thụ lý hồ sơ vụ án, đưa ra mở phiên họp công khai giao nộp tài liệu, chứng cứ - hòa giải, và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử thì chị Ph chỉ yêu cầu anh S, chị M chia cho chị được hưởng 1/5 giá trị căn nhà số 126. Nay chị Ph thay đổi yêu cầu khởi kiện như trên là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, và việc chị yêu cầu được nhận toàn bộ căn nhà và hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 126 do anh Phạm Văn S đứng tên là chưa phù hợp. Vì căn nhà số 126 nêu trên, từ khi bà Nguyễn Thị N qua đời đến nay chị và các anh chị em trong gia đình đã thống nhất giao cho anh S trực tiếp quản lý sử dụng, và căn nhà hiện nay đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình kê biên đúng theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị Ph là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật.

Đối với việc ông H, bà Ng không có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung đối với căn nhà số 126, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về chi phí định giá tài sản: Tổng cộng là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), chị Ph và anh C đã nộp và chi xong.

Do chị Ph, anh S được Tòa án chấp nhận yêu cầu về việc chia tài sản chung, nên chị Ph, anh S phải chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản trong vụ án là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), số tiền này chị Ph và anh C đã nộp và chi xong.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ph, anh C; buộc anh S, chị M liên đới chia cho chị Ph, anh C mỗi người được thừa hưởng 1/5 giá trị căn nhà số 126.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Thái Văn V, về việc yêu cầu giữ nguyên giá trị căn nhà số 126 theo quyết định kê biên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Đồng thời, không chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện

của chị Ph tại phiên tòa, do vượt phạm vi khởi kiện so với nội dung khởi kiện ban đầu.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 227, Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 208, Điều 209, Điều 219, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 74 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014; tiểu mục 2.4 mục 2 Phần I Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 6 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bích Ph và anh Phạm Văn C đối với anh Phạm Văn S, chị Đặng Thị Tuyết M.

Buộc anh Phạm Văn S, chị Đặng Thị Tuyết M liên đới chia cho chị Ph và anh C mỗi người được hưởng 1/5 giá trị căn nhà số 126 do anh Phạm Văn S đứng tên quyền sở hữu nhà ở ngày 15/11/2005 - tại khóm A, thị trấn Th, huyện Th; cho mỗi người được hưởng tương ứng số tiền là 15.664.320đ (Mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày chị Ph, anh C có đơn yêu cầu thi hành án, mà anh S, chị M chưa thi hành xong số tiền trên; thì hàng tháng phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu của anh Thái Văn V đối với anh Phạm Văn S, chị Đặng Thị Tuyết M. Về việc yêu cầu giữ nguyên giá trị căn nhà số 126 do anh Phạm Văn S đứng tên quyền sở hữu nhà ở ngày 15/11/2005 theo quyết định kê biên của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, để đảm bảo việc thi hành án dân sự đối với số tiền do anh S, chị M đang thiếu anh.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Phạm Thị Bích Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 783.000đ (Bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng); được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 14240 ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình; chị Phạm Thị Bích Ph còn phải nộp thêm 283.000đ (Hai trăm tám mươi ba nghìn đồng).

- Anh Phạm Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 783.000đ (Bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng); được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 14241 ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình; anh Phạm Văn C còn phải nộp thêm 283.000đ (Hai trăm tám mươi ba nghìn đồng).

- Anh Thái Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); được trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 02306 ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

4. Về chi phí định giá tài sản:

Chị Phạm Thị Bích Ph và anh Phạm Văn C phải chịu 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng); số tiền này chị Ph và anh C đã nộp và chi xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án. Riêng ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Thu Ng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được (bản sao) bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS H. Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thành Triều